

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Điều 15.** - Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt đối với mình theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính, và có quyền tố cáo các hành vi lạm dụng chức quyền làm sai chính sách, hoặc làm trái các quy định của Nhà nước của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản lên cơ quan cấp trên trực tiếp của người ra quyết định xử phạt.

Thủ trưởng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét giải quyết và trả lời theo quy định của Điều 37 và 38 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## **NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 87-CP ngày 23-11-1993 ban hành Quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT).**

### **CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 29-12-1987, Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 30-6-1990 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 23-12-1992;*

*Nhằm khuyến khích đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng tại Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư,*

### **NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** - Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (viết tắt theo tiếng Anh là BOT).

**Điều 2.** - Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Điều 3.** - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

## **QUY CHẾ Đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 87-CP ngày 23-11-1993 của Chính phủ).*

### *Chương I*

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** - Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao" (viết tắt theo tiếng Anh là BOT) là dự án được Chính phủ phê duyệt cho phép thực hiện theo Quy chế này để xây dựng, khai thác kinh doanh công trình hạ tầng (kể cả mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa công trình) và các công trình khác được Chính phủ cho phép thực hiện theo hình thức hợp đồng BOT trong một thời gian nhất định; hết thời hạn công trình đó được chuyển giao không bồi hoàn cho Chính phủ Việt Nam.

2. "Công ty BOT" là Công ty có vốn đầu tư nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam để thực hiện dự án BOT.



3. "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền" là Cơ quan quản lý Nhà nước được Chính phủ chỉ định ký và thực hiện hợp đồng BOT.

4. "Hợp đồng BOT" là văn bản thỏa thuận giữa chủ đầu tư với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án BOT.

5. "Hợp đồng phụ" là hợp đồng ký giữa Công ty BOT với các Nhà thầu phụ để tham gia thực hiện dự án BOT.

6. "Nhà thầu phụ" là Nhà thầu nước ngoài hoặc Việt Nam ký hợp đồng phụ với Công ty BOT về xây dựng, cung ứng, sử dụng, tài chính, bảo hiểm, tư vấn, đầu tư... để thực hiện dự án BOT.

7. "Các văn bản pháp lý riêng" là các văn bản pháp lý do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành để điều chỉnh những vấn đề cụ thể liên quan tới các dự án BOT.

#### Điều 2. -

1. Chính phủ Việt Nam khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vốn và công nghệ theo hình thức hợp đồng BOT; bảo đảm quyền sở hữu đối với vốn đầu tư và các quyền lợi hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tạo những điều kiện thuận lợi và các thủ tục dễ dàng cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các dự án BOT tại Việt Nam.

2. Chính phủ dành ưu đãi cho Công ty BOT và các Nhà thầu phụ nước ngoài theo các quy định tại Chương II của Quy chế này.

### Chương II

#### CÁC ƯU ĐÃI VÀ BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ

#### Điều 3. -

1. Công ty BOT được áp dụng các loại thuế với thuế suất sau đây:

- Thuế lợi tức bằng 10% lợi nhuận thu được; miễn thuế lợi tức trong 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% thuế lợi tức trong 4 năm tiếp theo;
- Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài bằng 5% lợi nhuận chuyển ra;
- Mức thuế doanh thu ưu đãi nhất trong khung và/hoặc có thể giảm, miễn thuế doanh thu tùy

theo từng dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Các Nhà thầu phụ nước ngoài tham gia dự án BOT, nộp các loại thuế áp dụng đối với Nhà thầu nước ngoài và/hoặc có thể được giảm, miễn thuế tùy theo từng hợp đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Công ty BOT và các Nhà thầu phụ thực hiện dự án BOT được miễn thuế nhập khẩu vào Việt Nam đối với thiết bị, máy móc, phụ tùng, nguyên liệu, vật tư (gồm cả phương tiện vận tải) để sử dụng cho việc khảo sát, thiết kế, thi công, xây dựng và vận hành công trình BOT. Hàng hóa này, nếu nhượng bán tại thị trường Việt Nam, phải được phép của Bộ Thương mại và phải nộp thuế nhập khẩu, thuế doanh thu hoặc các loại thuế khác theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Trong trường hợp chuyển nhượng hợp đồng, nếu phát sinh thu nhập do chuyển nhượng, thì Công ty BOT, Nhà thầu phụ nước ngoài phải nộp thuế bằng 25% khoản thu nhập đó.

Việc chuyển nhượng hợp đồng trên phải được Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư chấp thuận.

Điều 4. - Công ty BOT được mở tài khoản vốn vay tại Ngân hàng ở nước ngoài để thực hiện việc vay, trả và sử dụng vốn vay trong trường hợp cần cho vay yêu cầu mở tài khoản tại Ngân hàng ở nước ngoài và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

Các quy định khác tại Điều 80 Nghị định số 18-CP ngày 16-4-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài, được áp dụng đối với Công ty BOT.

Điều 5. - Chính phủ bảo đảm chuyển đổi ra tiền nước ngoài các khoản tiền Việt Nam mà Công ty BOT thu được trong thời hạn hoạt động theo hợp đồng để trả vốn và lãi vay, các khoản chi bằng tiền nước ngoài và lợi nhuận được chia chuyển ra nước ngoài.

Theo đề nghị của Công ty BOT trên cơ sở ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Thương mại, Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư quyết định việc cho phép sử dụng các khoản thu nhập hợp pháp khác bằng tiền Việt Nam của Công ty BOT để thanh toán bằng hàng hóa có giá trị tương ứng, mua hàng xuất khẩu; thanh toán các khoản chi khác theo quy định phải chi trả bằng tiền nước ngoài.



**Điều 6. -**

1. Khi có nhu cầu, với sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng BOT, Công ty BOT được quyền thế chấp:

- Nhà xưởng, thiết bị, vật kiến trúc và các bất động sản của Công ty BOT;
- Các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty BOT;
- Quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật Việt Nam;
- Các quyền có giá trị kinh tế theo hợp đồng.

2. Việc thế chấp của Công ty BOT phải nhằm sử dụng quyền và tài sản đó vào mục đích tiếp tục thực hiện mục tiêu của dự án quy định trong hợp đồng BOT.

**Điều 7. -** Chính phủ bảo đảm cho Công ty BOT ưu tiên sử dụng đất đai, đường sá và các công trình phụ trợ công cộng khác để thực hiện dự án trên cơ sở hợp đồng BOT.

Quyền sử dụng đất cho việc thực hiện dự án BOT được miễn tiền thuê.

**Điều 8. -**

1. Doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào dự án BOT do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng BOT chấp thuận.

2. Khi cần thiết, Chính phủ chỉ định cơ quan tài chính hoặc ngân hàng của Việt Nam bảo lãnh các nghĩa vụ tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam được xác định trong hợp đồng.

**Điều 9. -** Mức giá, phí và các khoản thu khác từ sử dụng công trình BOT phải được quy định trong hợp đồng BOT.

Việc tăng giá, phí và các khoản thu khác trong phạm vi đã được dự kiến và thỏa thuận trước trong hợp đồng BOT hoặc giảm giá, phí và các khoản thu khác, Công ty BOT phải thông báo cho Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư trước khi thực hiện 30 ngày.

Trường hợp tăng giá, phí và các khoản thu khác cao hơn mức dự kiến và thỏa thuận trước trong hợp đồng BOT, Công ty BOT kiến nghị để Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư xem xét quyết định.

**Điều 10. -** Các quy định về chuyển giao công nghệ, kế toán, thống kê, quan hệ lao động, quản

lý ngoại hối, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, cư trú, di lại và các quy định khác được áp dụng theo pháp luật hiện hành.

**Chương III****PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN BOT****Điều 11. -**

1. Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các Bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan lập quy hoạch và danh mục các dự án BOT để kêu gọi đầu tư. Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư phối hợp với các Bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án BOT quản lý, chỉ đạo việc triển khai thực hiện dự án BOT.

Chính phủ có thể chấp thuận các dự án BOT ngoài danh mục trên theo đề xuất của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án BOT, Chính phủ quyết định một trong các phương thức: đấu thầu, chọn thầu, đàm phán trực tiếp với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Thể thức đấu thầu, chọn thầu, đàm phán trực tiếp với các nhà đầu tư nước ngoài đối với từng dự án BOT do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư quy định, sau khi trao đổi ý kiến với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan.

**Điều 12. -** Hội đồng thẩm định dự án BOT là Hội đồng thẩm định Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 366-HĐBT ngày 7-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

**Điều 13. -**

1. Thời hạn hoạt động của dự án BOT được xác định trong hợp đồng và quy định tại giấy phép đầu tư phù hợp với Điều 15 Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Công ty BOT phải đảm bảo thực hiện các điều kiện ghi trong hợp đồng và giấy phép đầu tư, kể cả điều kiện chuyển giao công nghệ, duy trì hoạt động bình thường của công trình cho đến khi được chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam.



3. Hết thời hạn hoạt động của dự án, Công ty BOT sẽ chuyển giao không bồi hoàn toàn bộ công trình đó cho Chính phủ Việt Nam.

#### Chương IV

### HỢP ĐỒNG BOT, HỢP ĐỒNG PHỤ VÀ GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ

#### Điều 14. -

1. Hợp đồng BOT phải được lập thành văn bản và gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Những vấn đề liên quan đến thiết kế dự án BOT;
- Thủ tục nộp và xét duyệt thiết kế;
- Cam kết về tiến độ xây dựng công trình theo đúng thiết kế đã được duyệt;
- Quyền sử dụng đất, sử dụng đường, công trình phụ trợ cần thiết cho xây dựng vận hành;
- Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong việc vận hành công trình;
- Những quy định về giá, phí, các khoản thu khác trong việc vận hành công trình;
- Nghĩa vụ duy trì hoạt động bình thường của các công trình;
- Thời hạn hoạt động của công trình BOT;
- Tư vấn, giám định thiết kế, thiết bị, thi công, nghiệm thu, vận hành, bảo dưỡng và chuyển giao công trình;
- Việc phân chia rủi ro giữa Công ty BOT với Chính phủ hoặc cơ quan của Chính phủ;
- Biện pháp xử lý trong trường hợp dự án BOT phải ngừng hoạt động trước thời hạn;
- Những quy định về chuyển nhượng hợp đồng BOT.

2. Để thực hiện công trình, Công ty BOT có thể ký những hợp đồng phụ về:

- Sử dụng đất;
- Xây dựng;
- Dịch vụ tư vấn, giám định;
- Cung ứng hàng hóa và dịch vụ kỹ thuật;
- Vay vốn và các hình thức huy động vốn khác;
- Thế chấp;
- Lao động.

3. Đối với những vấn đề pháp luật Việt Nam chưa quy định, trong các hợp đồng có thể áp dụng luật pháp nước ngoài với điều kiện được Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư chuẩn y.

#### Điều 15. -

1. Các tranh chấp liên quan tới việc thực hiện hợp đồng phụ ký giữa Công ty BOT với các Nhà thầu phụ trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các bên tranh chấp không hòa giải được với nhau thì trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, vụ tranh chấp có thể đưa ra giải quyết tại tổ chức Trọng tài quốc tế Việt Nam hoặc một Hội đồng Trọng tài do các bên thỏa thuận thành lập hoặc Trọng tài quốc tế nước thứ ba, hoặc Tòa án Trọng tài quốc tế.

2. Các tranh chấp giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng với chủ đầu tư, Công ty BOT trong việc thực hiện hợp đồng sẽ giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải.

Nếu vụ tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, hai bên sẽ đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại một Hội đồng Trọng tài do hai bên thỏa thuận thành lập. Thủ tục trọng tài do hai bên thỏa thuận.

3. Việc áp dụng luật để giải quyết tranh chấp hợp đồng do các bên tranh chấp thỏa thuận.

4. Quyết định của Trọng tài được bảo đảm thi hành theo pháp luật Việt Nam.

#### Điều 16. -

1. Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp giấy phép đầu tư cho dự án BOT.

2. Giấy phép đầu tư gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Các điều kiện chủ yếu của hợp đồng;
- Các thỏa thuận của Chính phủ và các cơ quan Nhà nước có liên quan;
- Thời hạn hoạt động của dự án, yêu cầu về tình trạng và điều kiện bảo đảm vận hành bình thường của công trình khi được chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam.
- Các nghĩa vụ về thuế, tài chính;
- Quyền sử dụng đất và các công trình phụ trợ khác;
- Giá, phí và các khoản thu khác do Công ty BOT thu trong thời hạn vận hành công trình;
- Quy định chuyển đổi tiền Việt Nam ra tiền nước ngoài;
- Việc xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, hàng hóa.



## Chương V

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 17.** - Các dự án đầu tư tương tự hình thức hợp đồng BOT được thực hiện trên cơ sở những nguyên tắc quy định trong Quy chế này.

**Điều 18.** - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ Năng lượng; Công nghiệp nặng; Giao thông vận tải; Xây dựng; Tài chính; Thương mại; Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất và các cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình có trách nhiệm ban hành những văn bản hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 91-CP ngày 25-11-1993 về tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt.**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính ngày 23 tháng 5 năm 1990;

Để mở rộng và cải tiến thanh toán không dùng tiền mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, ổn định giá trị đồng tiền;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các ngành liên quan,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** - Nghị định về tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt này áp dụng cho tất cả các

tổ chức, cá nhân hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt; cho các tổ chức làm dịch vụ và nhiệm vụ thanh toán trong nước.

**Điều 2.** - Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng đầu tư và phát triển, Ngân hàng thương mại cổ phần, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng liên doanh (gọi chung là các Ngân hàng) làm dịch vụ thanh toán.

Đối với quỹ tín dụng nhân dân đang được tổ chức lại, trước mắt Ngân hàng Nhà nước xét chọn các quỹ có khả năng để cho áp dụng từng bước dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Kho bạc Nhà nước làm nhiệm vụ thanh toán.

Các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước tổ chức thực hiện thanh toán trong hệ thống phù hợp với thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt, bảo đảm thanh toán nhanh chóng, thuận lợi và an toàn.

**Điều 3.** - Các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang và công dân Việt Nam, các tổ chức và người nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam (gọi chung là đơn vị và cá nhân) được quyền lựa chọn Ngân hàng để mở tài khoản giao dịch và thực hiện thanh toán.

Các đơn vị dự toán Ngân sách Nhà nước mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Đơn vị và cá nhân sử dụng công cụ thanh toán, không dùng tiền mặt phải có đủ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán.

**Điều 4.** - Việc chi trả tiền mặt và chuyển khoản được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

1. Các Ngân hàng có trách nhiệm chi trả tiền mặt và chuyển khoản trong phạm vi số dư tài khoản tiền gửi theo yêu cầu của các đơn vị và cá nhân. Kho bạc Nhà nước chi trả tiền mặt và chuyển khoản cho các đơn vị và cá nhân kịp thời theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành.

2. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm chi trả tiền mặt và chuyển khoản cho các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo yêu cầu trong phạm vi số dư tài khoản tiền gửi.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước điều hành quỹ dự trữ tiền mặt để chi trả tiền gửi cho các tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước; bảo đảm phương tiện thanh toán và yêu cầu của chính sách tiền tệ, ổn định sức mua của đồng tiền.